

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: ĐỊNH GIÁ SẢN PHẨM

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4,0		6,0	6,0		
1	1213360099	Trần Ngọc Anh	18/05/2006	01MK14C1	5,0	7,0	6,3				2,5	Thi lại
2	1213360005	Phan Thụy Ngọc Ánh	05/02/2002	01MK14C1	8,0	9,0	8,7		7,0		7,7	Đạt
3	1213360103	Đào Huỳnh Gia Bảo	22/10/2006	01MK14C1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
4	1213240061	Đỗ Văn Công	08/03/2003	01MK14A1	6,0	7,0	6,7		6,5		6,6	Đạt
5	1213240017	Lê Đô	17/06/1998	01MK14A1	7,0	8,0	7,7		7,0		7,3	Đạt
6	1213360069	Phạm Nhật Tâm Doan	20/09/2005	01MK14C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
7	1213360094	Trần Chấn Đông	04/10/2006	01MK14C1	6,0	7,0	6,7		5,0		5,7	Đạt
8	1213360157	Nguyễn Thị Hồng Hà	16/01/1996	01MK14C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
9	1213360144	Biện Thái Ngọc Hân	24/07/2006	01MK14C1	5,0	5,0	5,0		5,0		5,0	Đạt
10	1213360154	Trần Phan Quốc Hùng	02/09/2006	01MK14C1	8,0	7,0	7,3		5,0		5,9	Đạt
11	1213360040	Lê Quốc Hưng	23/01/2006	01MK14C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
12	1213360129	Võ Nhựt Huy	27/12/2006	01MK14C1	7,0	7,0	7,0		6,0		6,4	Đạt
13	1213360115	Hứa Thị Kim Ngân	24/04/2006	01MK14C1	8,0	7,0	7,3		6,5		6,8	Đạt
14	1213180029	Đỗ Yến Nhung	10/12/1990	01MK14A1	7,0	9,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
15	1213360017	Lý Kim Phụng	10/02/2006	01MK14C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
16	1213240019	Trần Thị Thu Thắm	31/10/2002	01MK14A1	7,0	9,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
17	1213360126	Nguyễn Liên Thành	12/12/2006	01MK14C1	8,0	8,0	8,0		7,0		7,4	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: ĐỊNH GIÁ SẢN PHẨM

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4,0		6,0	6,0		
18	1213360145	Nguyễn Hòa Thành	08/12/2004	01MK14C1	5,0	7,0	6,3		5,0		5,5	Đạt
19	1213360054	Trương Kim Uyên Thảo	01/10/2006	01MK14C1	6,0	6,0	6,0		6,5		6,3	Đạt
20	1213360140	Huỳnh Phạm Anh Thư	01/11/2006	01MK14C1	8,0	7,0	7,3		6,0		6,5	Đạt
21	1213360022	Lê Hoàng Tú Trinh	30/11/2005	01MK14C1	6,0	7,0	6,7		5,5		6,0	Đạt
22	1213360092	Nguyễn Hồ Phương Uyên	30/05/2006	01MK14C1	9,0	6,0	7,0		6,0		6,4	Đạt
23	1213360156	Cao Nguyên Vũ	01/11/2006	01MK14C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
24	1213360135	Nguyễn Hà Vy	17/07/2006	01MK14C1	5,0	5,0	5,0				2,0	Thi lại

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	1213360099	Trần Ngọc	Anh	18/05/2006	01MK14C1	7,0	8,0	7,7		5,0		6,1	Đạt
2	1213360005	Phan Thụy Ngọc	Ánh	05/02/2002	01MK14C1	9,0	8,5	8,7		8,0		8,3	Đạt
3	1213360103	Đào Huỳnh Gia	Bảo	22/10/2006	01MK14C1	7,0	8,0	7,7		5,0		6,1	Đạt
4	1213240061	Đỗ Văn	Công	08/03/2003	01MK14A1	7,0	8,0	7,7		5,0		6,1	Đạt
5	1213240017	Lê	Đô	17/06/1998	01MK14A1	9,0	8,5	8,7		8,0		8,3	Đạt
6	1213360069	Phạm Nhật Tâm	Đoan	20/09/2005	01MK14C1			0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
7	1213360094	Trần Chấn	Đông	04/10/2006	01MK14C1	7,0	8,0	7,7		5,0		6,1	Đạt
8	1213360157	Nguyễn Thị Hồng	Hà	16/01/1996	01MK14C1			0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
9	1213360144	Biện Thái Ngọc	Hân	24/07/2006	01MK14C1	8,0	7,5	7,7		7,5		7,6	Đạt
10	1213360154	Trần Phan Quốc	Hùng	02/09/2006	01MK14C1	7,5	7,5	7,5		7,5		7,5	Đạt
11	1213360040	Lê Quốc	Hưng	23/01/2006	01MK14C1			0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
12	1213360129	Võ Nhựt	Huy	27/12/2006	01MK14C1	8,0	7,5	7,7		7,5		7,6	Đạt
13	1213360115	Hứa Thị Kim	Ngân	24/04/2006	01MK14C1	8,0	7,5	7,7		7,5		7,6	Đạt
14	1213180029	Đỗ Yến	Nhung	10/12/1990	01MK14A1	9,0	8,5	8,7		8,0		8,3	Đạt
15	1213360017	Lý Kim	Phụng	10/02/2006	01MK14C1	7,5	7,5	7,5		7,5		7,5	Đạt
16	1213240019	Trần Thị Thu	Thắm	31/10/2002	01MK14A1	9,0	8,5	8,7		8,0		8,3	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB MônKQ1	
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
17	1213360126	Nguyễn Liên	Thành	12/12/2006	01MK14C1	9,0	8,5	8,7		8,0		8,3	Đạt
18	1213360145	Nguyễn Hòa	Thành	08/12/2004	01MK14C1	7,0	8,0	7,7		5,0		6,1	Đạt
19	1213360054	Trương Kim Uyên	Thảo	01/10/2006	01MK14C1	8,0	7,5	7,7		7,5		7,6	Đạt
20	1213360140	Huỳnh Phạm Anh	Thư	01/11/2006	01MK14C1	7,5	7,5	7,5		7,5		7,5	Đạt
21	1213360022	Lê Hoàng Tú	Trình	30/11/2005	01MK14C1	7,5	7,5	7,5		7,5		7,5	Đạt
22	1213360092	Nguyễn Hồ Phương	Uyên	30/05/2006	01MK14C1	8,0	7,5	7,7		7,5		7,6	Đạt
23	1213360156	Cao Nguyên	Vũ	01/11/2006	01MK14C1			0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
24	1213360135	Nguyễn Hà	Vy	17/07/2006	01MK14C1	7,5	7,5	7,5		7,5		7,5	Đạt